

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159** /2025/KDTM-ST

Ngày 30/12/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Công Hách**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A
- Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh
– Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2025/TLST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2025/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2025/QĐST-KDTM ngày 22/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V)

Địa chỉ: A T, H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thanh M - Giám đốc chi nhánh N - Chi nhánh Đ.

Ủy quyền lại cho: Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP C (V).

Địa chỉ: D phố T, phường P, quận H, Hà Nội (nay là số D phố T, phường H, thành phố Hà Nội); Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình L – Tổng Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Duy A, ông Lương Thanh T, ông Nguyễn Tuấn A1, bà Trần Ngọc A2 – Cán bộ Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP C.

(Có mặt ông T, Vắng mặt ông Duy A, ông Tuấn A1, bà Ngọc A2)

- Bị đơn: Công ty cổ phần T1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở tại: Số A Chùa L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường L, thành phố Hà Nội).

Địa chỉ nơi nhận giấy tờ: 08D6 Khu đô thị Gleximco, Lê Trọng Tấn, Hà Đông, thành phố Hà Nội (nay là phường Hà Đông, thành phố Hà Nội).

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C cùng thống nhất trình bày:***

Công ty Cổ phần Tập đoàn T1 (Sau đây gọi tắt là Công ty T1) đã ký kết hợp đồng cho vay tại Ngân hàng TMCP C (Sau đây gọi tắt là V):

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023; Giấy nhận nợ số 01 kèm theo Hợp đồng, số tiền giải ngân 4.697.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng), Số tài khoản nhận nợ: 80005736436, Ngày giải ngân: 12/06/2023, Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 12/06/2028, Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua ô tô, Lãi suất: 12.5%/năm, Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, Ngày chuyển nợ quá hạn: 26/11/2023.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng cho vay tại V, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi theo quy định tại các hợp đồng cho vay đã ký kết với V - chi nhánh Đ. Khoản vay của doanh nghiệp đã chuyển quá hạn từ ngày 26/11/2023. Tính đến ngày 30/12/2025, Công ty T1 đã phát sinh nợ quá hạn tại V với tổng dư nợ tạm tính theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023 là: 4.985.749.643 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng; nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ, Công ty T1 đã sử dụng các tài sản bảo đảm cụ thể như sau:

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000153, số máy 6HK1247275, biển kiểm soát 29H-808.76. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296917, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000154, số máy 6HK1247282, biển kiểm soát 29H-809.61. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296980, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000155, số máy 6HK 1247270, biển kiểm soát 29H-809.94. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296919, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021., số khung RLEFVR34UMV000156, số máy 6HK1247273, biển kiểm soát 29H-809.90. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296920, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000208, số máy 6HK 1248386, biển kiểm soát 29H-857.57. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307919, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEF VR34UMV000163, số máy 6HK1247573, biển kiểm soát 29H-857.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307920, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022., số khung RLEIMR77HNVA02361, số máy 191K98, biển kiểm soát 29H-857.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315133, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLEIMR77HNVA02524, số máy 192M09, biển kiểm soát 29H-856.67. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315134, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

Toàn bộ tài sản được thế chấp nêu trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 91-04/2023/HĐBĐ/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/05/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn Ngân hàng V đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng.

Nay ngân hàng TMCP C yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực A - Hà Nội giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty T1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 4.985.749.643 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng; nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa

đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023.

2. Buộc Công ty cổ phần tập đoàn T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đông Hà Nội theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 31/12/2025.

3. Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000153, số máy 6HK1247275, biển kiểm soát 29H-808.76. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296917, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000154, số máy 6HK1247282, biển kiểm soát 29H-809.61. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296980, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000155, số máy 6HK 1247270, biển kiểm soát 29H-809.94. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296919, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021., số khung RLEFVR34UMV000156, số máy 6HK1247273, biển kiểm soát 29H-809.90. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296920, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000208, số máy 6HK 1248386, biển kiểm soát 29H-857.57. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307919, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEF VR34UMV000163, số máy 6HK1247573, biển kiểm soát 29H-857.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307920, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022., số khung RLEIMR77HNVA02361, số máy 191K98, biển kiểm soát 29H-857.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315133, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLEIMR77HNVA02524, số máy 192M09, biển kiểm soát 29H-856.67. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315134, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP C tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, Ngân hàng TMCP C không còn yêu cầu nào khác.

**** Tại bản trình bày ý kiến ngày 16/05/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng - bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn T1Nam trình bày:***

Công ty Cổ phần tập đoàn T1 xác nhận có ký kết Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023 với Ngân hàng TMCP C- chi nhánh Đ. Công ty T1 xác nhận Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo Hợp đồng đã ký kết. Về lãi suất Ngân hàng V áp dụng với khoản vay Công ty T1 không có ý kiến gì.

Bị đơn cho biết Công ty T1 và Ngân hàng đã có thỏa thuận riêng với Ngân hàng TMCP C về lộ trình để trả các khoản nợ quá hạn. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty T1 đã thế chấp tài sản bảo đảm là:

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000153, số máy 6HK1247275, biển kiểm soát 29H-808.76. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296917, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000154, số máy 6HK1247282, biển kiểm soát 29H-809.61. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296980, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000155, số máy 6HK 1247270, biển kiểm soát 29H-809.94. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296919, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021., số khung RLEFVR34UMV000156, số máy 6HK1247273, biển kiểm soát 29H-809.90. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296920, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000208, số máy 6HK 1248386, biển kiểm soát 29H-857.57. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307919, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEF VR34UMV000163, số máy 6HK1247573, biển kiểm soát 29H-857.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307920, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022., số khung RLEIMR77HNVA02361, số máy 191K98, biển kiểm soát 29H-857.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315133, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLEIMR77HNVA02524, số máy 192M09, biển kiểm soát 29H-856.67. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315134, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

Việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Tài sản bảo đảm đã được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 91-04/2023/HĐBĐ/NHCT131-TINTHANH ngày 29/05/2023; công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/05/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn T1 vắng mặt.

Đại diện Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T1 phải trả nợ cho V số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là **4.985.749.643 đồng** (*Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng, nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn Công ty Tín Thành chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C buộc Công ty T1 phải trả Ngân hàng V số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 4.985.749.643 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng, nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày

12/06/2023. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty cổ phần tập đoàn T1 Việt Nam có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 31/12/2025. Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[I]. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có mặt; Bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào mục đích vay vốn của Công ty T1 để thanh toán tiền mua xe ô tô. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại điểm b mục 6.03 của Hợp đồng tín dụng. Hai bên thỏa thuận thẩm quyền giải quyết là do Tòa án có thẩm quyền quyết định. Bị đơn là Công ty cổ phần tập đoàn T1 có địa chỉ trụ sở tại: Số 185 C, phường L, quận Đ, thành phố H (nay là tòa án nhân dân Khu vực A - Hà Nội). Vì vậy thẩm quyền giải quyết thuộc về tòa án nhân dân Khu vực A - Hà Nội theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[II]. Về nội dung:

Xét Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý.

[1]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP C buộc Công ty T1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 4.985.749.643 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm

bốn mươi ba đồng); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng, nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023.

Hội đồng xét xử thấy:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Công ty T1 và Ngân hàng V có ký Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023.

Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T1 theo Hợp đồng trên, số tiền giải ngân **4.697.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng), Số tài khoản nhận nợ: 80005736436, Ngày giải ngân: 12/06/2023. Như vậy từ các tài liệu chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ để xác định số tiền nợ gốc Công ty T1 còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 3.834.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm ba mươi tư triệu đồng). Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng V đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn tạm tính đến hết ngày 30/12/2025 là: 1.040.487.782 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng) của Ngân hàng TMCP C đối với Công ty T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại điểm a khoản 2.01 Điều 2 của Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023, hai bên thỏa thuận: “*Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định...*”; **Tại điểm a.(v) Khoản 2.01 Điều 2 của Hợp đồng và Giấy nhận nợ số 01 kèm theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023, lãi suất ưu đãi được quy định là 10,5%/năm theo Chương trình ưu đãi lãi suất cho vay Trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp năm 2023” và được áp dụng trong 12 tháng đầu tính từ ngày giải ngân**”;

Ngân hàng đã cung cấp các thông báo lãi suất cũng như giải trình cách tính lãi suất, bảng tính lãi suất trong hạn do ngân hàng xuất trình là hoàn toàn phù hợp với quy định

của pháp luật. Tính đến ngày 30/12/2025, số tiền nợ lãi trong hạn của Công ty T1 là **1.040.487.782 đồng**. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C buộc Công ty T1 phải thanh toán số tiền lãi trong hạn là: 1.040.487.782 đồng.

[3]. Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty cổ phần tập đoàn T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 31/12/2025.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại điểm b, khoản 2.01 Điều 2 của Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023, quy định lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn “Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 3.06(b) và 8.02 Hợp đồng này thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01(a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã cung cấp các thông báo lãi suất cũng như giải trình cách tính lãi suất, bảng tính lãi lãi suất quá hạn do ngân hàng xuất trình là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 30/12/2025, số tiền nợ lãi quá hạn của Công ty T1 là **111.261.861 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*). Do đó căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C buộc Công ty T1 phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là: 111.261.861 đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi Công ty T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tính đến ngày 30/12/2025 của Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023 số tiền là: **4.985.749.643 đồng** (*Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng, nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng. Ngoài ra, Công ty T1 còn phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán tính từ thời điểm ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết.

[4]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy:

- Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 91-04/2023/HĐBĐ/NHCT131-TINTHANH được lập tại Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ ngày 29/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ (Bên nhận thế chấp) và Công ty cổ phần tập đoàn T1 (Bên thế chấp):

Theo Khoản 1.01 Điều 1 của Hợp đồng: Bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản của mình cho Bên nhận thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được bảo đảm theo mô tả tại Khoản 1.02 Điều 1 Hợp đồng này.

Tài sản thế chấp được nêu tại khoản 2.01(a) Điều 2 của Hợp đồng: Bên thế chấp theo đây thế chấp cho Bên nhận thế chấp tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Bên thế chấp đối với các tài sản dưới đây, cho dù tài sản đó đang được bên thế chấp sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai. (a) Phương tiện giao thông vận tải với các thông tin, đặc điểm sau:

Tài sản 1: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000153; Số máy: 6HK1247275; Màu sơn: Đỏ; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-808.76

Tài sản 2: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000154; Số máy: 6HK1247282; Màu sơn: Trắng; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-809.61

Tài sản 3: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000155; Số máy: 6HK1247270; Màu sơn: Đỏ; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-809.94

Tài sản 4: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000156; Số máy: 6HK1247273; Màu sơn: Đỏ; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-809.90

Tài sản 5: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000208; Số máy: 6HK 1248386; Màu sơn: Đỏ; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-857.57

Tài sản 6: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: FVR34UE4; Số khung: RLEFVR34UMV000163; Số máy: 6HK1247573; Màu sơn: Đỏ; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-857.34

Tài sản 7: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: QKR; Số khung: RLE1MR77HNVA02361; Số máy: 191K98; Màu sơn: Trắng; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-857.40

Tài sản 8: Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022. Cụ thể như sau: Nhãn hiệu: ISUZU; Loại xe: Ô tô tải (thùng kín); Số loại: QKR; Số khung: RLE1MR77HNVA02524; Số máy: 192M09; Màu sơn: Trắng; Số chỗ ngồi: 3; Biển số: 29H-856.67

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/10/2025, Tòa án nhân dân Khu vực A - Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, buổi xem xét thẩm định tại chỗ có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (V), đại diện của bị đơn Công ty Cổ phần tập đoàn T1 - Ông Nguyễn Xuân H có mặt. Tuy nhiên, bị đơn không mang các tài sản xem xét, thẩm định đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản là:

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000153, số máy 6HK1247275, biển kiểm soát 29H-808.76; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296917, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000154, số máy 6HK1247282, biển kiểm soát 29H-809.61; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296980, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000155, số máy 6HK1247270, biển kiểm soát 29H-809.94; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296919, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000156, số máy 6HK1247273, biển kiểm soát 29H-809.90; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296920, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000208, số máy 6HK1248386, biển kiểm soát 29H-857.57; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307919, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000163, số máy 6HK1247573, biển kiểm soát 29H-857.34; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307920, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLE1MR77HNVA02361, số máy 191K98, biển kiểm soát 29H-857.40; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315133, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- 01 Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLE1MR77HNVA02524, số máy 192M09, biển kiểm soát 29H-856.67; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315134, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

Toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Tập đoàn Tín Thành Việt Nam, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 91-04/2023/HĐBĐ/NHCT131-TIN THANH ký ngày 29/05/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/05/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội.

Theo khoản 1.03 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định thời hạn bảo đảm: *Việc thế chấp tài sản theo quy định của Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Các Bên ký kết Hợp Đồng này hoặc một thời điểm khác nếu pháp luật có quy định cụ thể và chấm dứt khi đáp ứng đồng thời và đầy đủ tất cả các điều kiện: (a).Toàn bộ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đã được thực hiện xong; và (b). Các Bên hoàn tất các thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.* Theo thỏa thuận tại điểm (a) khoản 5.01 Điều 5 quy định Xử lý Tài sản thế chấp, các bên thỏa thuận: *“Bên Được Bảo Đảm không thực hiện kịp thời, đầy đủ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm khi đến hạn (thời điểm đến hạn theo quy định tại Hợp Đồng Cấp Tín Dụng hoặc thời điểm mà Bên Nhận Thế Chấp ấn định trong văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do Bên Thế Chấp/Bên Được Bảo Đảm vi phạm Hợp Đồng Cấp Tín Dụng hoặc Hợp Đồng này)”.* Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[5]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP C Việt Nam chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

[6]. Về án phí: Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí đối với các yêu cầu được chấp nhận. Công ty T1 chịu án phí đối với các yêu cầu mà bên Ngân hàng TMCP C được

chấp nhận. Theo quy định tại mục 1.4 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm với mức thu là (112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 317, 319, 322, 324, 325, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 90, 91; Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng vay.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T1. Xác nhận Công ty T1 còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 4.985.749.643 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc: 3.834.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.040.487.782 đồng, nợ lãi quá hạn: 111.261.861 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 90-04/2023-HĐCVDADT/NHCT131-TINTHANH ký ngày 29/05/2023; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 01-04/2023/-HĐCV-SĐBS 01/NHCT131-TINTHANH ký ngày 12/06/2023.

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/12/2025, Công ty cổ phần tập đoàn T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ theo mức lãi

suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế. Trường hợp Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận tăng giảm theo biên độ thì lãi suất cũng được thay đổi theo biên độ thỏa thuận tại hợp đồng.

[3]. Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000153, số máy 6HK1247275, biển kiểm soát 29H-808.76. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296917, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000154, số máy 6HK1247282, biển kiểm soát 29H-809.61. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296980, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000155, số máy 6HK 1247270, biển kiểm soát 29H-809.94. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296919, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021., số khung RLEFVR34UMV000156, số máy 6HK1247273, biển kiểm soát 29H-809.90. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 296920, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEFVR34UMV000208, số máy 6HK 1248386, biển kiểm soát 29H-857.57. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307919, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2021, số khung RLEF VR34UMV000163, số máy 6HK1247573, biển kiểm soát 29H-857.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 307920, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022., số khung RLEIMR77HNVA02361, số máy 191K98, biển kiểm soát 29H-857.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315133, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

- Xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu ISUZU đã qua sử dụng sản xuất năm 2022, số khung RLEIMR77HNVA02524, số máy 192M09, biển kiểm soát 29H-856.67. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 315134, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2022.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP C.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP C chịu cả chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

[5]. Về án phí: Ngân hàng TMCP C được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền

56.181.565 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu một trăm tám mốt nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0078657 ngày 06/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực A – Hà Nội).

Công ty T1 phải chịu 112.985.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực A - Hà Nội;
- THA Khu vực A - Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách

